

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM SAFOCO**

- \* - \* - \* -



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
NĂM 2022**



**Tháng 02 năm 2023**

# MỤC LỤC

<b>I. THÔNG TIN CHUNG</b> .....	1
1. Thông tin khái quát .....	1
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh: .....	6
2.1. Ngành nghề kinh doanh .....	6
2.2. Địa bàn kinh doanh: .....	7
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý .....	7
3.1. Mô hình quản trị: .....	7
3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý .....	8
3.3. Các công ty con, công ty liên kết. ....	9
4. Định hướng phát triển .....	9
4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty .....	9
4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn .....	9
4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững .....	10
5. Các rủi ro .....	10
<b>II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM</b> .....	11
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh .....	11
1.1. Kết quả sản xuất kinh doanh .....	11
1.2. Tình hình thực hiện so với cùng kỳ .....	14
2. Tổ chức và nhân sự .....	15
2.1. Danh sách Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng .....	15
2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành .....	16
2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên, chính sách đối với người lao động .....	16
3. Tình hình đầu tư: .....	19
3.1. Các khoản đầu tư lớn .....	19
3.2. Các công ty con, công ty liên kết. ....	20
4. Tình hình tài chính .....	20
4.1. Tình hình tài chính .....	20
4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu .....	20
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu .....	21
5.1. Cổ phần .....	21
5.2. Cơ cấu cổ đông .....	22
5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu .....	22
5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ. ....	23
5.5. Các chứng khoán khác. ....	23

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty .....	23
6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu .....	23
6.2. Tiêu thụ năng lượng .....	23
6.3. Tiêu thụ nước .....	24
6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường .....	24
6.5. Chính sách liên quan đến người lao động .....	25
6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.....	26
6.7. Báo cáo liên quan đến thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước .....	27
<b>III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC .....</b>	<b>27</b>
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh .....	27
1.1. Khó khăn .....	27
1.2. Thuận lợi .....	27
2. Tình hình tài chính .....	28
2.1. Tình hình tài sản.....	28
2.2. Tình hình nợ phải trả.....	29
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý .....	29
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai .....	30
5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty .....	30
5.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường .....	30
5.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động.....	31
5.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương .....	31
<b>IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....</b>	<b>31</b>
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.....	31
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc .....	32
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	32
3.1. Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 .....	32
3.2. Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị.....	33
<b>V. QUẢN TRỊ CÔNG TY .....</b>	<b>33</b>
1. Hội đồng quản trị .....	33
1.1. Danh sách Thành viên HĐQT và tỷ lệ sở hữu cổ phần tại ngày 31/12/2022:33	
1.2. Chức danh TV.HĐQT của Công ty tại các doanh nghiệp khác:.....	34
1.3. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.....	34
1.4. Hoạt động của Hội đồng quản trị:.....	34

1.5. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị không điều hành .....	35
1.6. Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT.....	35
1.7. Danh sách thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: .....	35
1.8. Danh sách các thành viên HĐQT tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm. ....	35
2. Ban Kiểm soát .....	35
2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát.....	35
2.2. Hoạt động của Ban Kiểm soát (BKS) .....	36
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.....	38
3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích .....	38
3.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không. ....	39
3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: .....	39
3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: .....	41
<b>VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b> .....	41
1. Ý kiến kiểm toán .....	41
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.....	42

Số: 82/BC-SAF/TCHC

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2023

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

### I. THÔNG TIN CHUNG

#### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM SAFOCO
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0303752249 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp lần đầu ngày 14/4/2005, thay đổi lần thứ 15 ngày 07/12/2022.
- Vốn điều lệ : **120.465.900.000** đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 176.112.657.632 đồng.
- Địa chỉ : 1079 Phạm Văn Đồng, Khu phố 1, Phường Linh Tây, Tp.Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại : 84 - 28 - 37245264
- Số fax : 84 - 28 - 37245263
- Website : [www.safocofood.com](http://www.safocofood.com)
- Mail : [safoco@hcm.vnn.vn](mailto:safoco@hcm.vnn.vn)
- Mã cổ phiếu : **SAF**

#### Quá trình hình thành và phát triển

##### Năm 1995

Cửa hàng Lương thực Thực phẩm Số 4 (tiền thân của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco) được thành lập theo Quyết định số 224/STM-QĐ ngày 29/4/1995 của Sở Thương mại Tp.HCM.

<b>Năm 1999</b>	Cửa hàng được đổi tên thành Xí nghiệp Lương thực Thực phẩm Safoco theo Quyết định số 033/QĐ-HĐQT ngày 10/5/1999 của Tổng Công ty Lương thực Miền Nam.
<b>Năm 2004</b>	Xí nghiệp đã tiến hành cổ phần hóa và chuyển hình thức doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần theo Quyết định số 4451/QĐ/BNN-TCCB ngày 09/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.
<b>Năm 2005</b>	Xí nghiệp chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần kể từ ngày 01/5/2005 theo Giấy phép kinh doanh số 4103003305 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp Hồ Chí Minh cấp ngày 14/4/2005 với vốn điều lệ là 22.000.000.000 đồng ( <i>Bằng chữ: Hai mươi hai tỷ đồng</i> ), trong đó Nhà nước nắm giữ 51,29%

### Thời điểm niêm yết

<b>Ngày 28/12/2006</b>	Chính thức giao dịch 2.706.000 cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là SAF, theo Giấy phép niêm yết số 95/UBCK-GPNY do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05/12/2006.
<b>Ngày 08/6/2009</b>	Chính thức giao dịch 2.706.000 cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, theo Quyết định số 215/QĐ-TTGDHN ngày 26/5/2009 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

### Các danh hiệu thi đua, bằng khen



**HCLĐ hạng Nhất (2005)**

**HCLĐ hạng Nhì (1998)**

**HCLĐ hạng Ba (1991)**

### **HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG**



## HUÂN CHƯƠNG ĐỘC LẬP

**HCDL hạng Nhì (2021)**

**HCDL hạng Ba (2009)**



## CỜ THI ĐUA

**12 CTĐ Chính phủ**

**07 CTĐ Bộ NN&PTNT**

**01 CTĐ UBQL vốn nhà nước  
tại doanh nghiệp**



## BẰNG KHEN

**02 Bằng khen Bộ NN &  
PTNT (2014, 2017)**

**01 Bằng khen UBQL vốn nhà  
nước tại DN (2021)**

**03 Bằng khen UBND TP.  
HCM (2020, 2021, 2022)**

## Một số giải thưởng khác

- ✚ Giải thưởng "Bông lúa vàng Việt Nam" (2013, 2016);
- ✚ Doanh nghiệp tiêu biểu vì người lao động (2018);
- ✚ Doanh nghiệp có năng lực quản trị tài chính tốt nhất sàn chứng khoán Việt Nam (2018);

- ✚ Doanh nghiệp phát triển bền vững (2019; 2020);
  - ✚ Top 10 doanh nghiệp tín nhiệm nhất cùng hệ thống ngành kinh tế Việt Nam;
  - ✚ Top 15 Công ty niêm yết thực hiện tốt công bố thông tin minh bạch và quản trị công ty năm 2019 – 2020;
  - ✚ Top 20 Nhãn hiệu nổi tiếng – Nhãn hiệu cạnh tranh Việt Nam;
  - ✚ Top 30 doanh nghiệp minh bạch nhất HNX (2016, 2017, 2018, 2019);
  - ✚ Top 10 nhãn hiệu hàng đầu Việt Nam - Sản phẩm vàng - Dịch vụ vàng Việt Nam;
  - ✚ Sản phẩm công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ tiêu biểu TP. HCM;
  - ✚ Top 100 Thương hiệu mạnh Việt Nam.
- 

## Năm 2022

- ✚ **Thương hiệu quốc gia Việt Nam;**
- ✚ Hàng Việt Nam chất lượng cao (18 năm liên tục từ 2005 – 2022);
- ✚ Hàng Việt Nam chất lượng cao - Chuẩn hội nhập (05 năm liên tục từ 2018 – 2022);
- ✚ Top 10 Thương hiệu mạnh ASEAN;
- ✚ Top 10 Thương hiệu vàng chất lượng Quốc tế;
- ✚ Top 10 Sản phẩm vàng Việt Nam;
- ✚ Top 10 Thương hiệu mạnh ngành nông nghiệp, thực phẩm (2021–2022);
- ✚ Top 25 Thương hiệu công ty F&B dẫn đầu;
- ✚ Top 50 Nhãn hiệu hàng đầu Việt Nam;
- ✚ Nhãn hiệu nổi tiếng, nhãn hiệu cạnh tranh Việt Nam
- ✚ Hàng hóa, dịch vụ người tiêu dùng tin cậy
- ✚ Sản phẩm công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ tiêu biểu TP. HCM



## HÌNH ẢNH MỘT SỐ SẢN PHẨM



**NUI**



**NUI GẠO**



**NUI CAO CẤP**



**NUI NẤU  
ĂN LIỀN**



**MÌ TRỨNG  
CAO CẤP**



**MÌ TRỨNG  
THƯỢNG HẠNG**



**MÌ XÀO  
CAO CẤP**



**MÌ RAU CỦ**



**MÌ CHAY**



**BÚN GẠO**



**BÚN KHÔ**



**BÚN TƯƠI**



**BÁNH TRÁNG (16 cm)**



**BÁNH TRÁNG (22cm)**

## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

### 2.1. Ngành nghề kinh doanh

Mã ngành	Tên ngành
<b>10740</b> <b>(Chính)</b>	<b>Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự</b> <i>Chi tiết: Sản xuất mì, mì sợi, bún, nui, bánh tráng, các loại từ tinh bột, bột mì. Chế biến các mặt hàng lương - thực, thực phẩm (trừ sản xuất, chế biến tươi sống tại trụ sở).</i>
4632	Bán buôn thực phẩm <i>Chi tiết: Mua bán các mặt hàng lương – thực phẩm, công nghệ phẩm, nông – thủy – hải sản, các loại thức uống nhanh, hàng tươi sống, rượu (thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của UBND Tp.HCM về phê duyệt Quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; trừ gạo, thuốc lá, đường mía, đường củ cải).</i>
4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng <i>Chi tiết: Mua bán hàng kim khí điện máy, hàng điện tử - điện lạnh – điện gia dụng. Mua bán vật liệu xây dựng (trừ các hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối).</i>
4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình <i>Chi tiết: Mua bán các mặt hàng vải sợi, quần áo, mỹ phẩm, hàng trang sức, bóp ví, giày da, văn phòng phẩm, hàng sành sứ - thủy tinh, nhựa gia dụng.</i>
5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động <i>Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng, dịch vụ ăn uống (không hoạt động tại trụ sở).</i>
6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê <i>Chi tiết: Cho thuê nhà xưởng.</i>
3290	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Sản xuất đồ trang trí nội thất (không tái chế phế thải, xi mạ điện, gia công cơ khí và sản xuất hàng gốm – sứ - thủy tinh tại trụ sở).</i>
4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Trừ khí hóa lỏng để vận chuyển)

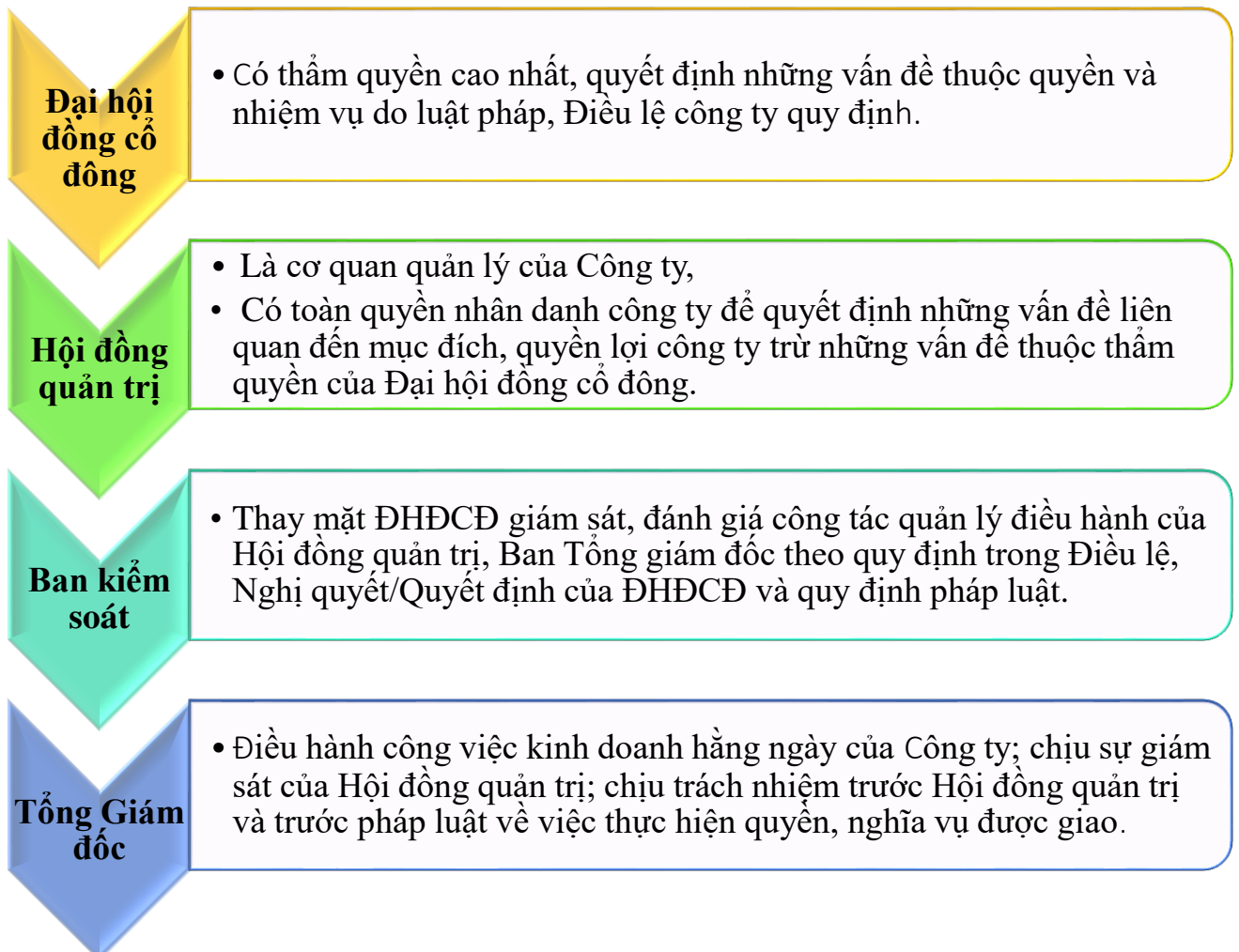
## 2.2. Địa bàn kinh doanh:

- ✚ **Thị trường trong nước:** Công ty đã thiết lập và khai thác tốt mạng lưới phân phối rộng khắp cả nước với gần 7.500 điểm bán hàng thông qua các đại lý truyền thống, kênh siêu thị cao cấp (như: Coop Mart, Big C, Vin Mart, Mega Market, Sài Gòn Satra, Aeon, Lotte Mart...), các cửa hàng tiện ích (Bách hoá xanh, Vissan, Vinafood Mart, G7 Mart, Sài Gòn HD...) đồng thời không ngừng khai thác thêm các cửa hàng tạp hóa, điểm bán nhỏ lẻ ở vùng sâu, để phân phối sản phẩm SAFOCO trực tiếp đến người tiêu dùng.
- ✚ **Thị trường xuất khẩu:** sản phẩm của SAFOCO cũng đã thâm nhập được vào những thị trường khó tính, đòi hỏi chất lượng cao như: Mỹ, Úc, Pháp, Đức, Canada, Nga, Na Uy, Thụy Điển, Tiệp Khắc, Hàn Quốc, Nhật Bản, các nước thuộc khối Asian...

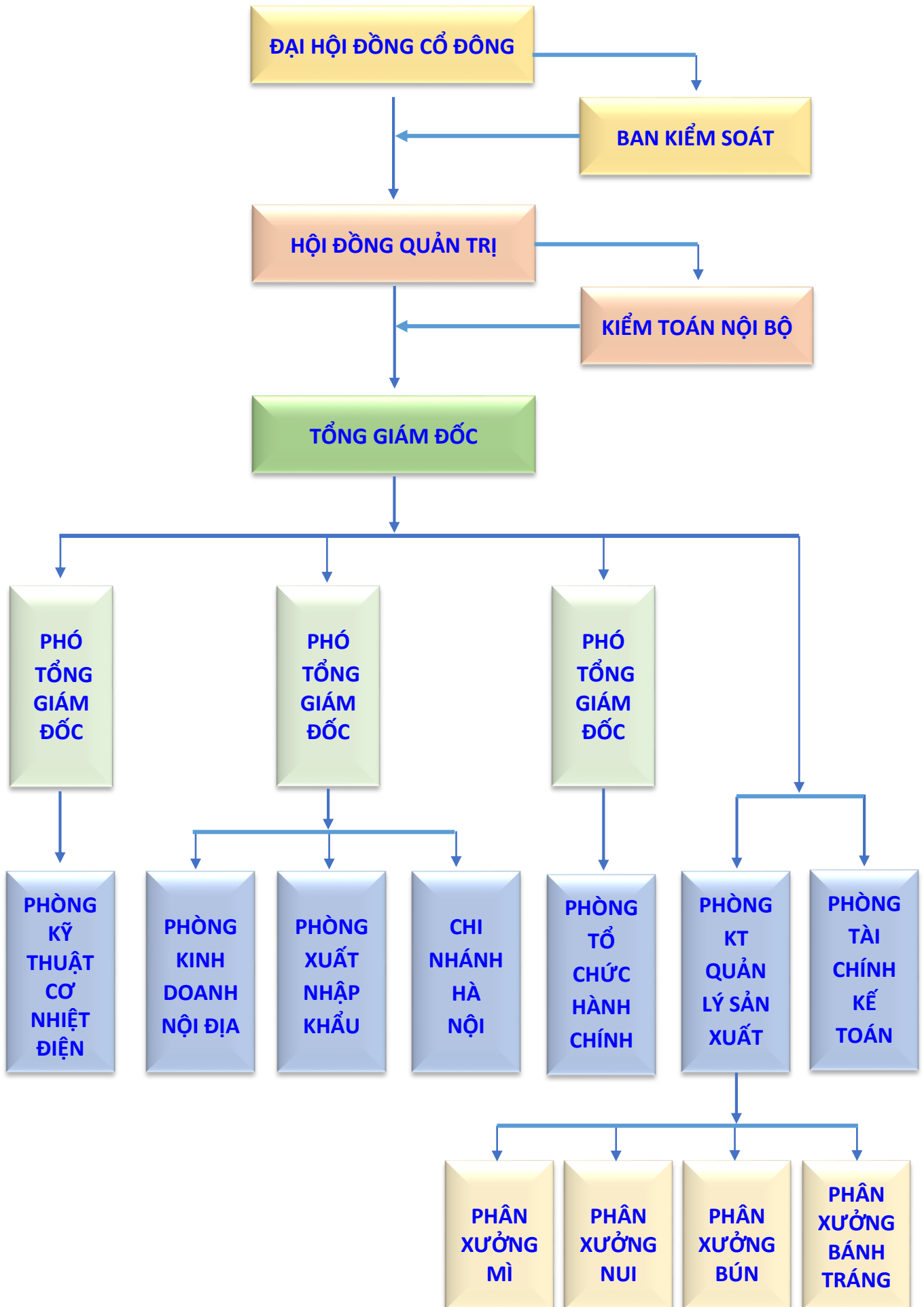
## 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

### 3.1. Mô hình quản trị:

Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.



### 3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý



### **3.3. Các công ty con, công ty liên kết:** Không.

## **4. Định hướng phát triển**

### **4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty**

- Trở thành một doanh nghiệp hàng đầu của Việt Nam trong sản xuất chế biến thực phẩm khô, cung cấp sản phẩm có chất lượng và giá trị cao, đảm bảo an toàn thực phẩm, đây là mục tiêu được ưu tiên đặc biệt của Safoco vì đó không chỉ là trách nhiệm của nhà sản xuất mà còn yếu tố quyết định sự sống còn của doanh nghiệp.
- Tiếp tục duy trì và xây dựng hệ thống phân phối vững mạnh ở thị trường trong và ngoài nước, tăng cường mở rộng mạng lưới tiêu thụ, gia tăng thị phần và giữ vững vị thế thương hiệu Safoco trên thị trường.
- Tạo môi trường làm việc tốt, an toàn, xây dựng nguồn nhân lực chuyên nghiệp và vận dụng chính sách lương thưởng cùng các chế độ đãi ngộ khác, nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.
- Liên tục cải tiến, thực thi tốt các mục tiêu về xã hội và môi trường.

### **4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn**

- Xây dựng thương hiệu Safoco ngày càng phát triển và đủ sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế
- Không ngừng đầu tư đẩy mạnh hoạt động sản xuất, nâng cao trình độ kỹ thuật, công nghệ nhằm tạo ra những sản phẩm có chất lượng cao, uy tín trên thị trường.
- Mở rộng mạng lưới phân phối, tăng tính đa dạng của sản phẩm, nghiên cứu phát triển sản phẩm phù hợp với từng đối tượng khách hàng.
- Tăng cường chương trình xúc tiến thương mại với các đối tác nước ngoài, đẩy mạnh xuất khẩu gia tăng nguồn thu ngoại tệ.
- Nâng cao trình độ quản trị doanh nghiệp, đào tạo đội ngũ kế thừa, phát huy năng lực lao động có kỹ thuật tay nghề giỏi.
- Tiếp tục duy trì chiến lược phát triển thị trường bền vững, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng, tối đa hóa lợi nhuận, hài hòa cả 03 lợi ích Nhà nước – Cổ đông – Người lao động.
- Trong định hướng phát triển chung, Safoco hướng đến mục tiêu phát triển bền vững. Không chỉ đặt lợi nhuận lên hàng đầu, sự phát triển của Safoco luôn song hành với trách nhiệm và lợi ích cho xã hội. Do đó, đảm bảo những hoạt

động của Công ty luôn tuân thủ theo các quy định của pháp luật, các chuẩn mực đạo đức xã hội cũng như quan tâm đến lợi ích cộng đồng.

### 4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững

- Luôn tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất của Công ty, tuần hoàn, tái sử dụng nguồn tài nguyên, áp dụng công nghệ sản xuất tiên tiến, sử dụng năng lượng có hiệu quả, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, khai thác tài nguyên thiên nhiên nhằm đảm bảo sức khỏe người lao động và cộng đồng dân cư địa phương.
- Đảm bảo quy trình sản xuất luôn đạt vệ sinh an toàn thực phẩm. Đối với sản phẩm xuất khẩu, luôn tuân thủ tiêu chuẩn của từng nước sở tại (như: Tiêu chuẩn của khối EU, tiêu chuẩn FDA của Hoa Kỳ, tiêu chuẩn KFPA của Hàn Quốc...).
- Xây dựng đội ngũ nhân viên đủ kinh nghiệm và bản lĩnh kinh doanh trong tình hình cạnh tranh và hội nhập quốc tế. Nâng cao nhận thức của cán bộ công nhân viên trong việc bảo vệ nguồn nước, tài nguyên năng lượng, kêu gọi mọi người thực hiện triệt để việc tiết kiệm điện – nước, có ý thức tốt trong việc bảo vệ môi trường xanh và sạch.
- Luôn quan tâm đến trách nhiệm và lợi ích mang đến cho xã hội bên cạnh lợi nhuận của Công ty. Mọi hoạt động của Công ty luôn tuân thủ quy định của pháp luật, các chuẩn mực đạo đức xã hội, mang lại lợi ích cho cộng đồng và góp phần phát triển đất nước.

### 5. Các rủi ro

- **Rủi ro tỷ giá** : Hiện nay, sản phẩm Safoco đã xuất khẩu sang các thị trường lớn: Châu Âu, Châu Á, Châu Mỹ, khối EU... do đó biến động mạnh về tỷ giá sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu của Công ty.
- **Rủi ro cạnh tranh**: Việt Nam đang trong giai đoạn hội nhập nền kinh tế thế giới, điều này dẫn đến sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp trong nước với các doanh nghiệp nước ngoài cả về giá thành lẫn chất lượng sản phẩm. Ngoài ra, Công ty còn phải cạnh tranh với các sản phẩm nhập ngoại, sản phẩm do các doanh nghiệp FDI sản xuất, sản phẩm nhãn hàng riêng của các siêu thị, hàng bán xá (không có bao bì), hàng kém chất lượng giá rẻ bày bán tràn lan tại các chợ... đây là những rủi ro thường xuyên mà Công ty phải đối mặt. Chính vì vậy, Công ty phải chú trọng nâng cao năng lực sản xuất, tạo sản phẩm có chất lượng cao, đảm bảo an toàn thực phẩm nhưng giá thành phù hợp mới đủ sức cạnh tranh trên thị trường.

- **Rủi ro về nguyên liệu đầu vào:** Chi phí nguyên liệu đầu vào chiếm tỷ trọng tương đối trong giá thành sản xuất của Công ty. Do đó, sự biến động tăng của giá nguyên vật liệu chắc chắn sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- **Rủi ro về pháp lý:** Hiện nay, Việt Nam đang hội nhập với nền kinh tế toàn cầu, do đó hệ thống pháp luật của Việt Nam không ngừng được xây dựng, sửa đổi và hoàn thiện cho phù hợp với các cam kết của Việt Nam tại các điều ước quốc tế hướng tới mục tiêu hoàn thiện một khung pháp lý mới chặt chẽ hơn cho các doanh nghiệp tại Việt Nam. Vì vậy, Công ty phải cập nhật kịp thời những thay đổi của Luật, Nghị định, Thông tư để thực hiện đúng quy định.
- **Rủi ro khác:** các rủi ro khác như dịch bệnh, biến đổi khí hậu, hỏa hoạn... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho con người và tài sản của Công ty.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

#### 1.1. Kết quả sản xuất kinh doanh

Năm 2022 kinh tế thế giới phải đối mặt với những thách thức lớn, biến động nhanh, khó lường và tính bất ổn cao; lạm phát tăng lên mức cao nhất trong nhiều thập kỷ buộc các quốc gia phải thắt chặt chính sách tiền tệ. Cạnh tranh chiến lược, địa chính trị giữa các nước lớn, xung đột quân sự giữa Nga và U-crai-na, thời tiết diễn biến bất thường, thiên tai, ngập lụt nghiêm trọng ở nhiều quốc gia, các đợt bùng phát liên tục của dịch Covid-19 tại một số khu vực trên thế giới, áp lực tăng giá năng lượng... đã ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế Việt Nam.

Ở trong nước, GDP ước đạt mức tăng trưởng 8,02%, đây là mức tăng trưởng cao so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Môi trường đầu tư cải thiện tích cực, hoạt động sản xuất công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Bên cạnh những kết quả đạt được, nước ta cũng đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức bởi ảnh hưởng chính sách thắt chặt tiền tệ để chống lạm phát và nguy cơ suy thoái kinh tế tại nhiều quốc gia châu Âu, Mỹ... khiến nhu cầu tiêu dùng, đầu tư giảm mạnh, thị trường xuất khẩu bị thu hẹp lại.

Đối với Safoco, nhìn lại chặng đường hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty sau đại dịch Covid-19 từ năm 2020, kết thúc đỉnh điểm dịch năm 2021, thời điểm khó khăn nhất là khi một số tỉnh, thành và Tp. Hồ Chí Minh bắt buộc thực hiện "3 tại chỗ". Tuy nhiên, Công ty dự báo trước được tình hình dịch bệnh nên đã chủ động lên phương án cải tạo Kho, hội trường, phòng họp... thành khu lưu trú tạm thời, nam/nữ riêng biệt, thông thoáng, trang bị đầy đủ dụng cụ sinh hoạt cần thiết cho khoảng 550 người lưu

trú và được Liên đoàn lao động trực thuộc UBND Tp. Thủ Đức đã đến kiểm tra, kết luận đủ điều kiện tiếp tục sản xuất.

Thành công lớn nhất là trong thời gian đỉnh điểm chống dịch Công ty vẫn duy trì hoạt động trong khi một số doanh nghiệp phải đóng cửa, cung ứng đủ sản phẩm phục vụ người dân trong nước và xuất khẩu, không chế 100% không có ca F0 trong 100 ngày thực hiện “3 tại chỗ”, sản lượng bán ra tăng trưởng, người lao động có việc làm, thu nhập tăng cao, an toàn phòng cháy chữa cháy.

Bước sang năm 2022, Safoco thực sự khó khăn:

- Trong 6 tháng đầu năm, do lao động khan hiếm, Công ty tuyển dụng gặp khó khăn, để đáp ứng cho nhân sự tại các khâu sản xuất đầy đủ là 150 người (nam 60, nữ 90) nhưng đến hết quý II lao động nữ vẫn thiếu 30 người cho các khâu vắt mì, vì vậy sản lượng chưa ổn định. Đúng vào thời điểm thiếu nhân sự lại còn ảnh hưởng giá các nguyên, nhiên phụ liệu, vận chuyển... biến động tăng từ 15 - 30%, làm tăng chi phí giá thành sản phẩm.

- Qua 6 tháng cuối năm, thời tiết không thuận lợi, mưa, bão, lũ quét, ngập lụt nghiêm trọng nên sản lượng tiêu thụ của đại lý ở khu vực này giảm nhiều.

- Do biến động tỷ giá USD trong nước tăng, trong khi các khách hàng nhập khẩu mặt hàng của Safoco (như: Mỹ, Anh, Hàn Quốc, Nhật, Philippines, Thái Lan...) nhưng tỷ giá trong nước nhập khẩu lại giảm, như vậy khách hàng cân đối giữa giá mua và bán (họ bị lỗ quá lớn) nên khách hàng không có nhu cầu đặt hàng, sản lượng xuất khẩu của Công ty cũng bị ảnh hưởng rất lớn (nhất là mặt hàng Bún tươi).

- Thực hiện theo Nghị định 38/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động, trong đó tăng lương tối thiểu vùng từ 4,42 triệu đồng/người/tháng lên 4,68 triệu đồng/người/tháng từ ngày 01/7/2022, dự kiến tăng chi phí bảo hiểm xã hội gần 600 triệu đồng/năm.

Thực sự thấy được sản lượng tiêu thụ chậm của các siêu thị, đại lý trong và ngoài nước, Tổng Giám đốc và lãnh đạo phòng kinh doanh nội địa, phòng xuất nhập khẩu đã đi khảo sát, làm việc trực tiếp với từng khách hàng, tùy cơ ứng biến, có chương trình khuyến mãi cho tất cả các hệ thống đại lý, siêu thị kịp thời để gia tăng sản lượng, sản phẩm phủ kín thị trường.

Bên cạnh những khó khăn, Công ty cũng có những thuận lợi sau:

- Công ty được sự hỗ trợ, chỉ đạo kịp thời của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Công đoàn, Văn phòng và các Ban nghiệp vụ Tổng Công ty Lương thực miền Nam – CTCP. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty Safoco có tầm nhìn, hoạch định chiến lược đúng hướng, Ban điều hành có bản lĩnh, năng động, nhạy bén, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, cùng với sự ủng hộ của toàn thể người lao động,



đoàn kết nội bộ, vượt qua khó khăn, thách thức để thực hiện hoàn thành kế hoạch Đại hội đồng cổ đông đề ra.

- Công ty luôn cam kết "**Lợi ích sức khỏe người tiêu dùng lên trên hết**" và không ngừng cải tiến nâng cao chất lượng sản phẩm, máy móc theo quy trình khép kín, phù hợp với tiêu chuẩn hội nhập. Sản phẩm được sản xuất và quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000:2018 và HACCP, phù hợp với quy định của Bộ Y tế, tiêu chuẩn của khối EU, FDA của Hoa Kỳ, KFDA của Hàn quốc...

- Trực tiếp khảo sát, tìm kiếm mở rộng khách hàng trong và ngoài nước thông qua việc tham gia các hội chợ thương mại, hội nghị kết nối đầu tư.

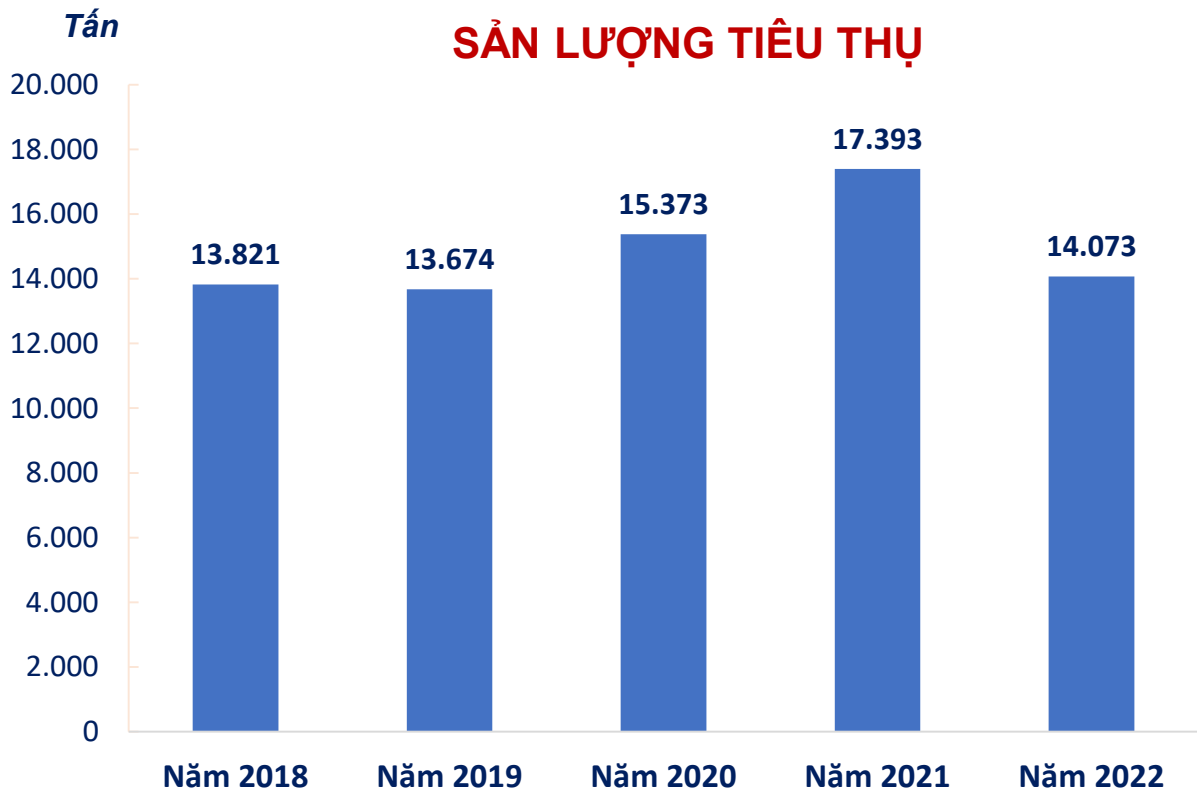
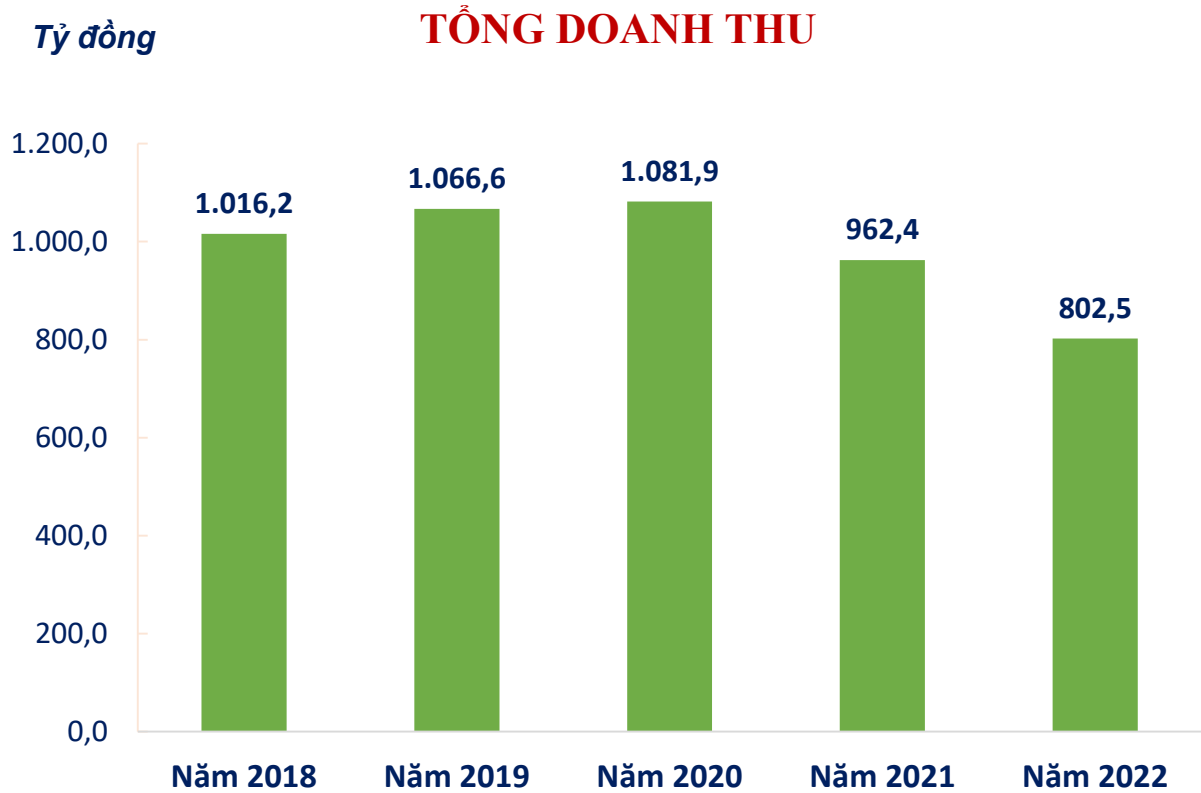
- Quản trị tài chính lành mạnh, nguồn vốn được bảo toàn, kịp thời phục vụ các hoạt động sản xuất kinh doanh, không phải vay vốn ngân hàng.

- Hoàn thành hồ sơ tăng vốn điều lệ từ 100,6 tỷ đồng lên thành 120,5 tỷ đồng. Ngày 07/12/2022 Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và đầu tư Tp.HCM đã cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15, điều chỉnh vốn điều lệ là 120.465.900.000 đồng.

#### **Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh:**

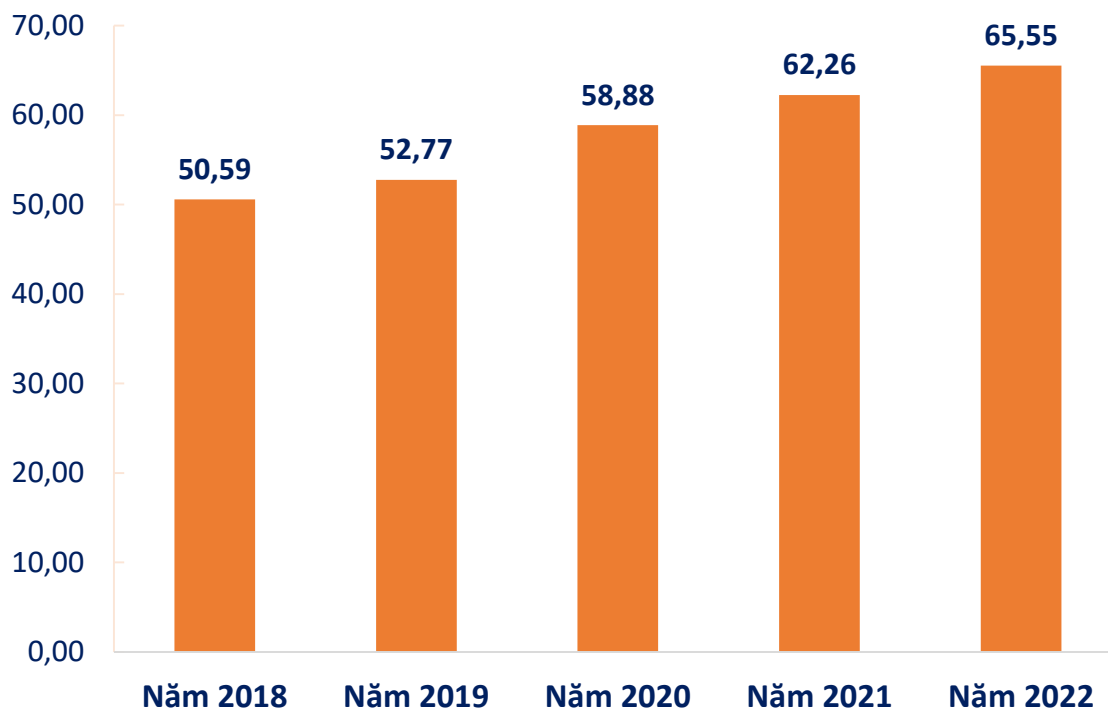
Số tt	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ (%) thực hiện năm 2022 so với	
						KH năm 2022	Cùng kỳ năm 2021
1	Tổng Doanh thu	Triệu đồng	850.000	802.541	962.447	94,42	83,39
2	Sản lượng sản xuất	Tấn	17.000	14.882	16.151	87,54	92,14
3	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	16.500	14.073	17.393	85,29	80,91
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	63.000	65.550	62.258	104,05	105,29
5	Nợ ngân sách	Triệu đồng	30.000	26.613	34.345	88,71	77,48

## 1.2. Tình hình thực hiện so với cùng kỳ



Tỷ đồng

## LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ



## 2. Tổ chức và nhân sự

### 2.1. Danh sách Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng

#### 1- Bà Phạm Thị Thu Hồng - Tổng Giám đốc

- Ngày, tháng, năm sinh : 04/7/1957
- Nơi sinh : Hải Hưng
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị Kinh doanh, Chứng chỉ CFO
- Địa chỉ thường trú : 173 Nguyễn Kim, phường 7, Quận 10, Tp.HCM
- Số cổ phần sở hữu : 1.697.262 CP

#### 2- Ông Nguyễn Tri Nghĩa - Phó Tổng Giám đốc

- Ngày, tháng, năm sinh : 14/4/1972
- Nơi sinh : Nghệ An
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư
- Địa chỉ thường trú : 74/26 đường số 9, P.16, Q.Gò Vấp, Tp.HCM
- Số cổ phần sở hữu : 0 CP

### 3 - Ông Nguyễn Công Minh Khoa - Phó Tổng Giám đốc

- Ngày, tháng, năm sinh : 02/10/1978
- Nơi sinh : Đồng Tháp
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị Kinh doanh
- Địa chỉ thường trú : 48/17A Hồ Biểu Chánh, P.11, Q. Phú Nhuận, Tp.HCM
- Số cổ phần sở hữu : 42.789 CP

### 3 - Ông Trần Hoàng Thao - Phó Tổng Giám đốc

- Ngày, tháng, năm sinh : 11/09/1961
- Nơi sinh : Thừa Thiên Huế
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư
- Địa chỉ thường trú : 286 Tô Ngọc Vân, Linh Đông, Tp.Thủ Đức Tp.HCM
- Số cổ phần sở hữu : 9.341 CP

### 4 - Bà Nguyễn Thị Nga - Kế toán trưởng

- Ngày, tháng, năm sinh : 21/4/1959
- Nơi sinh : Tp.HCM
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Ngành Kế toán công nghiệp
- Địa chỉ thường trú : 57/2 Nguyễn Thông, P. 9, Quận 3, Tp.HCM
- Số cổ phần sở hữu : 8.202 CP

## 2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1.	Ông Nguyễn Tuấn Bao	Phó Tổng GD	Xin nghỉ việc từ tháng 05/2022
2.	Ông Trần Hoàng Thao	Phó Tổng GD	Ký hợp đồng lao động từ tháng 04/2022
3.	Ông Nguyễn Tri Nghĩa	Phó Tổng GD	Bổ nhiệm từ Tháng 01/2022

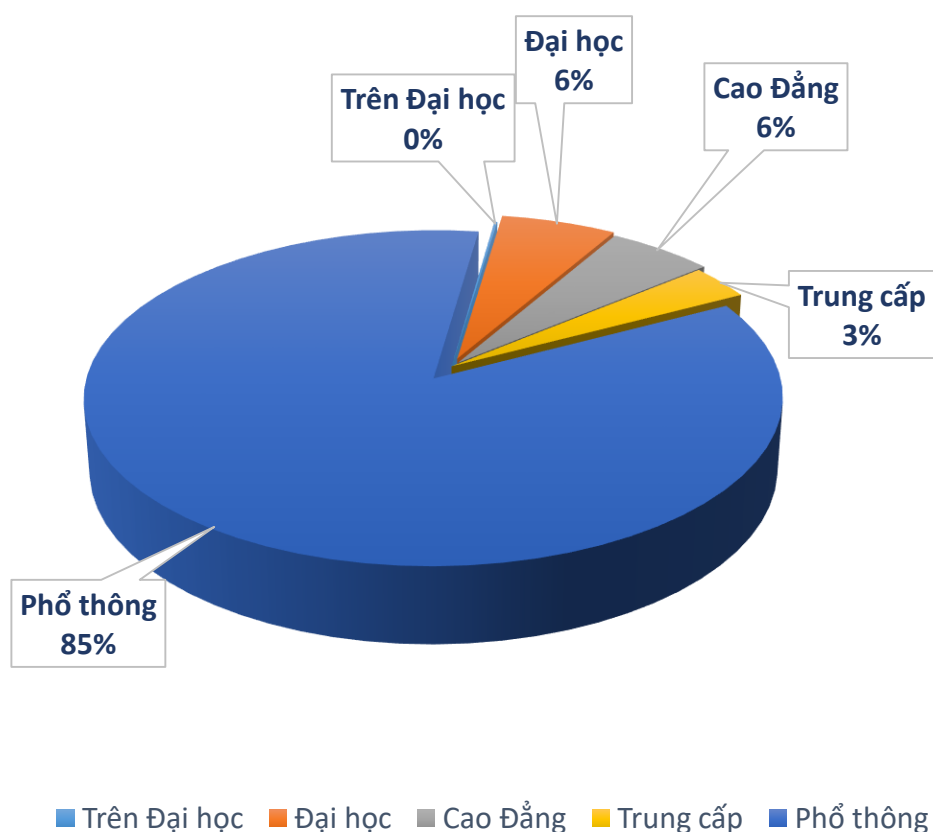
## 2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên, chính sách đối với người lao động

### a) Số lượng CB.CNV:

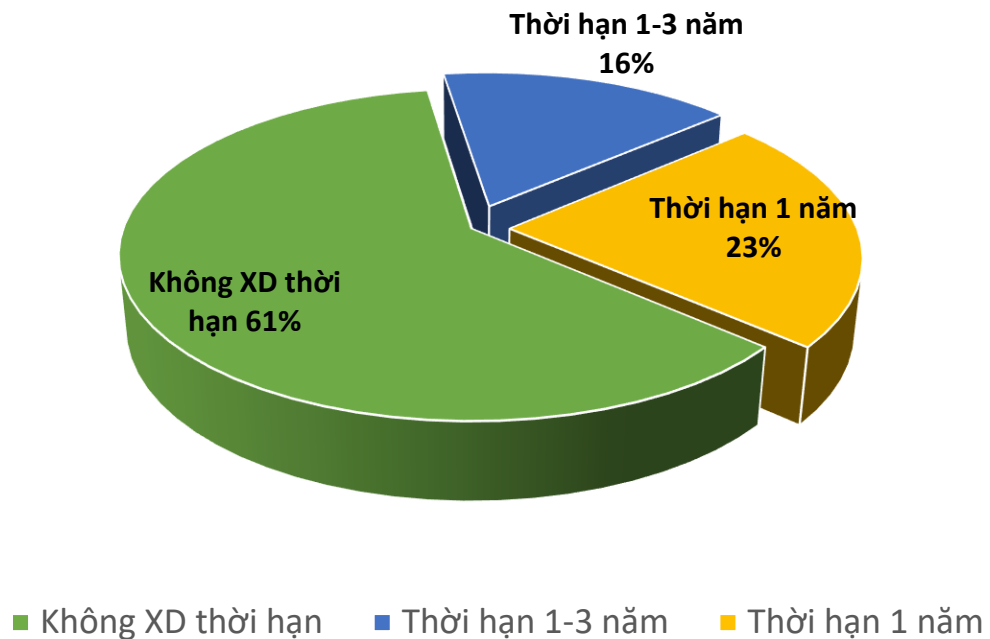
Tổng số CB.CNV tại thời điểm 31/12/2022 là 661 lao động. Trong đó:

Phân loại theo trình độ	Số người	Tỷ lệ (%)
- Trên Đại học	01	0,15
- Đại học	40	6,05
- Cao Đẳng	37	5,60
- Trung cấp	22	3,33
- Cấp 1,2,3	561	84,87
Phân loại theo Hợp đồng lao động	Số người	Tỷ lệ (%)
- HĐLĐ không xác định thời hạn	405	61,27
- HĐLĐ xác định thời hạn 1 – 3 năm	106	16,04
- HĐLĐ xác định thời hạn 1 năm	150	22,69

## TRÌNH ĐỘ LAO ĐỘNG



## HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG



### b. Chính sách đối với người lao động

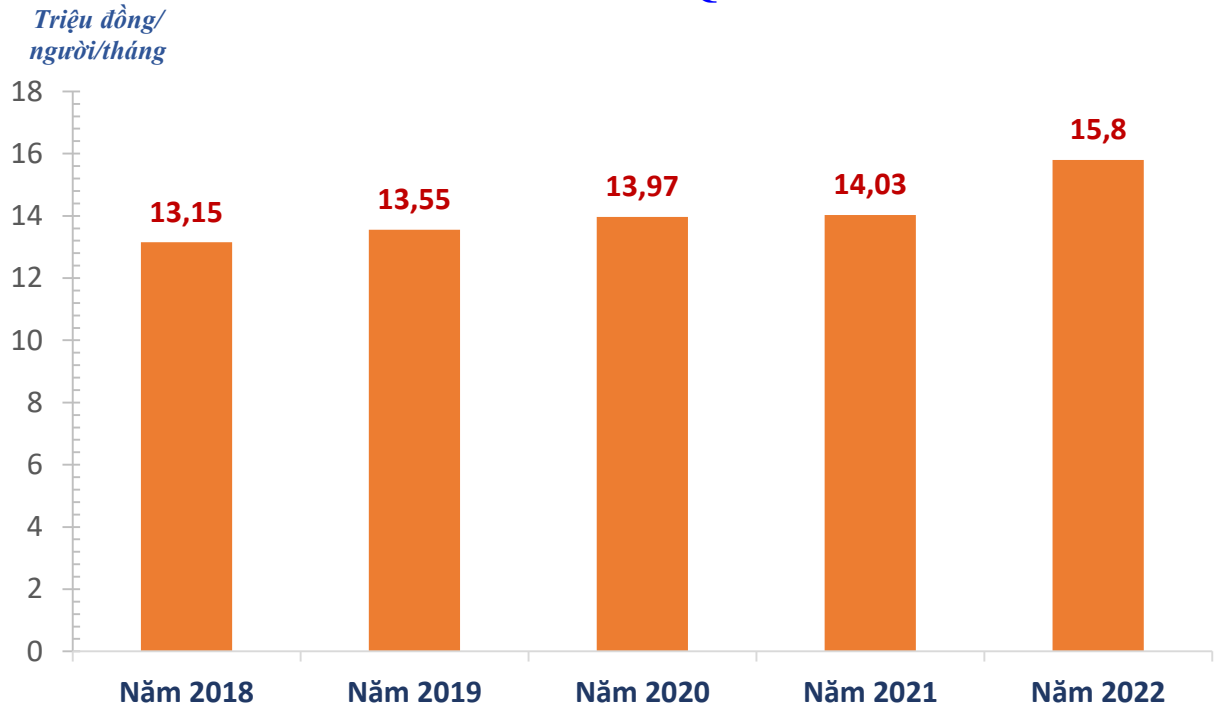
✓ Luôn tuân thủ đúng quy định của Bộ luật lao động về thực hiện các chế độ chính sách đối với người lao động, đóng bảo hiểm bắt buộc đầy đủ, giải quyết chế độ ốm đau, thai sản kịp thời.

✓ Thanh toán tiền lương tháng, tiền lương bổ sung đầy đủ, chính xác, phù hợp với ngày công và vị trí công việc đảm nhận. Bên cạnh đó, Công ty đã thực hiện nhiều chính sách phúc lợi đối với người lao động như: hỗ trợ tiền đi nghỉ mát, chi tiền ngày Tết dương lịch, Giỗ tổ Hùng Vương, ngày lễ 30/4 và 1/5, Ngày Quốc khánh 2/9; tặng quà Tết trung thu; tặng quà cho chị em phụ nữ nhân ngày lễ 8/3, 20/10...

✓ Tổ chức bếp ăn tập thể luôn bảo đảm an toàn thực phẩm, sử dụng nguyên liệu rõ nguồn gốc xuất xứ, nhân viên cấp dưỡng được đào tạo an toàn vệ sinh thực phẩm, tuân thủ đúng quy trình chế biến.

✓ Tiền lương bình quân của người lao động năm 2022 là 15,8 triệu đồng/người/tháng, tăng 12,6% so với cùng kỳ năm 2021 (14,03 triệu đồng/người/tháng).

## TIỀN LƯƠNG BÌNH QUÂN



### 3. Tình hình đầu tư:

#### 3.1. Các khoản đầu tư lớn

Trong năm, Công ty đã thực hiện hoàn thành 09 hạng mục đầu tư mua sắm với tổng giá trị 4.648 triệu đồng, cụ thể mua sắm:

- 05 Máy dò kim loại
- 02 Lò Sấy mì
- 01 Máy indate
- 01 Máy ép miệng bao
- 01 Máy dập bánh tráng
- 01 Máy chạy thành phẩm
- 02 Xe tải 2,5 tấn
- 01 Đường ống hơi

Các hạng mục đầu tư đều hoàn thành đúng tiến độ, có hiệu quả và tiết kiệm chi phí, tài sản sau khi đầu tư kịp thời đưa vào sản xuất đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Việc đầu tư, mua sắm máy móc thiết bị được thiết kế hợp lý, thi công đạt tiêu chuẩn, góp phần tiết kiệm, tránh hao phí, tổn thất trong quá trình sản xuất.

Ngoài ra công tác sửa chữa bảo dưỡng, duy tu thường xuyên là một trong những thế mạnh, góp phần mang lại cho công ty những thành công, ổn định sản xuất và hiệu quả trong thời gian qua.

### 3.2. Các công ty con, công ty liên kết: Không.

## 4. Tình hình tài chính

### 4.1. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Tăng (+) /Giảm (-)
1	Tổng giá trị tài sản	257.131	274.954	17.823
2	Doanh thu thuần	956.014	792.694	(163.320)
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	61.024	64.187	3.163
4	Lợi nhuận khác	1.234	1.362	128
5	Lợi nhuận trước thuế	62.258	65.550	3.292
6	Lợi nhuận sau thuế	49.412	51.703	2.291
7	Tỷ lệ (%) lợi nhuận trả cổ tức	40	30 (*)	(10)
	Trong đó:			
-	Tiền mặt	30	30	-
-	Cổ phiếu	10		(10)

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2021 và năm 2022 đã kiểm toán; (\*) : cổ tức dự kiến.

### 4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Số tt	Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022
<b>1</b>	<b>Khả năng thanh toán</b>			
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn (TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	2,38	2,46



Số tt	Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022
	- Hệ số thanh toán nhanh (TS ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,95	1,79
<b>2</b>	<b>Cơ cấu vốn</b>			
	- Nợ phải trả/Tổng tài sản	%	36,38	35,95
	- Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	%	57,17	56,12
<b>3</b>	<b>Năng lực hoạt động</b>			
	- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho BQ)	Vòng	12,83	12,24
	- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	3,72	2,28
<b>4</b>	<b>Khả năng sinh lời</b>			
	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế /Doanh số thuần	%	5,17	6,52
	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế /Vốn chủ sở hữu	%	30,20	29,36
	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản	%	19,22	18,80
	- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	6,38	8,10

## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

### 5.1. Cổ phần

- Tổng số cổ phần đang lưu hành : 12.046.590 cổ phần;
- Loại cổ phần đang lưu hành : 12.046.590 cổ phần phổ thông;
- Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng : 12.046.590 cổ phần;
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần.

## 5.2. Cơ cấu cổ đông

Chỉ tiêu	Số lượng cổ đông	Tổng cộng	
		Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
<b>Tổng Vốn điều lệ</b>	<b>326</b>	<b>120.465.900.000</b>	<b>100</b>
<b>1. Theo tỷ lệ sở hữu</b>			
- Cổ đông lớn (sở hữu trên 5%)	3	98.850.530.000	82,06
- Cổ đông nhỏ (sở hữu dưới 5%)	323	21.615.370.000	17,94
<b>2. Theo loại hình sở hữu</b>			
- Cổ đông tổ chức	18	82.566.640.000	68,54
- Cổ đông cá nhân	308	37.899.260.000	31,46
<b>3. Theo trong và ngoài nước</b>			
- Cổ đông trong nước	277	116.164.150.000	96,43
- Cổ đông nước ngoài	49	4.301.750.000	3,57
<b>4. Theo nhà nước và tư nhân</b>			
- Cổ đông nhà nước	0	0	0
- Cổ đông khác	326	120.465.900.000	100

## 5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Năm tăng	Hình thức tăng vốn	Số vốn tăng thêm	Vốn điều lệ sau khi tăng
2005			22.000.000.000
2006	Phát hành thêm cổ phiếu	5.060.000.000	27.060.000.000
2010	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	3.246.720.000	30.306.720.000
2011	Trả cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	15.151.050.000	45.457.770.000

Năm tăng	Hình thức tăng vốn	Số vốn tăng thêm	Vốn điều lệ sau khi tăng
2014	Trả cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	13.634.850.000	59.092.620.000
2016	Trả cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	20.088.920.000	79.181.540.000
2020	Trả cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	21.376.350.000	100.557.890.000
2022	Trả cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	19.908.010.000	120.465.900.000

**5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không.

**5.5. Các chứng khoán khác:** Không.

## **6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty**

### **6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm trong năm 2022:

- Tổng lượng nguyên vật liệu sử dụng : 26.453 tấn
- Sản phẩm đóng gói : 14.882 tấn

Tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế đưa vào sử dụng để sản xuất sản phẩm là 0%.

Công ty sử dụng tiết kiệm nguồn nguyên nhiên liệu thông qua các hoạt động như: kiểm soát chặt chẽ chất lượng nguồn nguyên liệu đầu vào, sử dụng nguyên liệu một cách hợp lý trong quá trình sản xuất và có các giải pháp tái sử dụng nguyên liệu dư thừa, không sử dụng.

### **6.2. Tiêu thụ năng lượng:**

- Điện : 5.563.078 kwh.
- Than : 11.302 tấn.

### **6.3. Tiêu thụ nước:**

#### **a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:**

- Nguồn cung cấp nước:

- ✓ Nguồn nước thủy cục: lượng nước sử dụng là 23.850 m<sup>3</sup>, được sử dụng cho mục đích đưa trực tiếp vào sản xuất sản phẩm và nấu ăn.
- ✓ Nguồn nước ngầm khai thác từ tầng sâu (đã qua xử lý, đảm bảo các chỉ tiêu phù hợp với yêu cầu chất lượng theo tiêu chuẩn nước cấp cho sản xuất và sinh hoạt của Bộ Y tế): lượng nước sử dụng là 61.200 m<sup>3</sup>, được dùng để: vận hành lò hơi, vệ sinh máy móc, thiết bị, vệ sinh nhà xưởng, tưới cây...
- ✓ Lượng nước sử dụng trung bình là 5,84 m<sup>3</sup>/tấn sản phẩm

#### **b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái sử dụng:**

Để thực hiện chính sách tiết kiệm nước, công ty tiếp tục áp dụng các biện pháp đã mang lại hiệu quả, làm giảm mức tiêu thụ nước như: tăng lượng tuần hoàn, tái sử dụng, cải tạo quy trình công nghệ để giảm tiêu thụ nước, đồng thời nâng cao ý thức sử dụng nước tiết kiệm trong toàn Công ty.

Do đó trong năm qua tỉ lệ lượng nước tái sử dụng tại công ty đạt 18,4% tổng lượng nước sử dụng.

### **6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**

Là doanh nghiệp sản xuất, Công ty luôn nhận thức rằng hoạt động sản xuất chế biến của Công ty sẽ có những tác động đến môi trường xung quanh. Do vậy, Công ty đã:

- ✓ Tuân thủ tốt các quy định về bảo vệ môi trường của nhà nước.
- ✓ Thực hiện nhiều giải pháp để giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường: áp dụng công nghệ mới, đầu tư thiết bị và cơ sở hạ tầng, tối ưu hóa quy trình sản xuất, lựa chọn nguyên liệu thân thiện môi trường, xây dựng hệ thống xử lý nước thải, thu gom các chất độc hại trước khi thải ra môi trường...
- ✓ Sử dụng tiết kiệm điện, nước, giảm lượng năng lượng hao phí trong quá trình sử dụng.
- ✓ Nâng cao nhận thức NLD về ý thức bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng, nước hợp lý, tiết kiệm, phân loại rác thải trước khi thải ra môi trường.

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

### **6.5. Chính sách liên quan đến người lao động**

#### **a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động**

- ✓ Số lượng CB.CNV tại thời điểm 31/12/2022 là 661 người.
- ✓ Tiền lương bình quân của người lao động năm 2022 là 15,80 triệu đồng/người/tháng, tăng 12,6% so với cùng kỳ năm 2021 (14,03 triệu đồng/người/tháng). Công ty trả lương phù hợp với từng vị trí chức danh, hiệu quả công việc và kết quả sản xuất kinh doanh của công ty.

#### **b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động**

- ✓ Công ty thực hiện tốt công tác ký kết hợp đồng lao động, đóng đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động, thanh toán tiền lương tháng, tiền lương thưởng đầy đủ, kịp thời theo quy định Công ty và thỏa ước lao động tập thể.
- ✓ Thực hiện nhiều chính sách phúc lợi đối với người lao động như: chi tiền ngày Tết Dương lịch, hỗ trợ tiền đi nghỉ mát, Giỗ tổ Hùng Vương; ngày lễ 30/4 và 1/5; Quốc khánh 2/9, tặng quà Tết Trung thu cho toàn thể CB.CNV, quà cho chị em phụ nữ nhân ngày 8/3, 20/10.
- ✓ Ngày 26/9/2022, Công ty đã tổ chức Khám sức khỏe định kỳ năm 2022 cho 620 người lao động. Ngoài những nội dung khám sức khỏe tổng quát theo thông tư tại 14/2013/TT-BYT, Công ty đã bổ sung thêm các hạng mục khám cho người lao động như: Tầm soát chức năng gan (GOT, GPT); Chức năng men gan (GGT); Tầm soát thương hàn (widal), viêm gan A, viêm gan E theo yêu cầu bắt buộc của KFDA Hàn Quốc.

#### **c) Hoạt động đào tạo người lao động**

Tổ chức cho người lao động tham gia các khóa đào tạo định kỳ và ngắn hạn để cập nhật kiến thức, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, cụ thể:

- ✓ Tổ chức huấn luyện An toàn lao động, Vệ sinh lao động; Huấn luyện An toàn vệ sinh thực phẩm; Tập huấn an toàn Phòng cháy chữa cháy và cứu hộ cứu nạn
- ✓ Cập nhật kiến thức về pháp luật lao động, thanh tra lao động tại doanh nghiệp;

- ✓ Cập nhật kiến thức, quy định pháp luật về An toàn thực phẩm; Hướng dẫn quyết toán thuế thu nhập cá nhân.
- ✓ Tập huấn về những điểm mới của Hợp đồng lao động, định mức lao động, tiền lương, BHXH, BHYT, BHTN. Định hướng áp dụng Bộ luật lao động vào Doanh nghiệp năm 2022.
- ✓ Đào tạo tổng quan và thực hành các yêu cầu ghi nhãn thực phẩm theo quy định FDA Hoa Kỳ; Nhận thức cơ bản HACCP CODEX REW 2020 và lập hồ sơ tự công bố sản phẩm.
- ✓ Tập huấn về tra cứu xuất xứ hàng hóa và quy định về nộp/cấp C/O điện tử và C/O giấy; Tập huấn nghiệp vụ vận dụng quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định RCEP.
- ✓ Tập huấn nghiệp vụ xuất khẩu, giải quyết tranh chấp mâu thuẫn trong hợp đồng thương mại; Tra cứu xuất xứ hàng hóa và quy định về nộp/cấp C/O điện tử và C/O giấy.

## **6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương**

Công ty xác định phát triển kinh doanh phải luôn gắn kết trách nhiệm đối với cộng đồng xã hội và trách nhiệm này chính là văn hóa của Công ty. Do đó, phong trào đền ơn đáp nghĩa, hoạt động xã hội từ thiện luôn duy trì hàng năm và được Cổ đông, toàn thể CB.CNV hưởng ứng tham gia.

Năm 2022, Công ty đã thực hiện công tác từ thiện xã hội với tổng số tiền là 2,78 tỷ đồng (từ nguồn quỹ cổ đông là 0,5 tỷ đồng, chi phí Công ty là 2,28 tỷ đồng), cụ thể:

- ✓ Hỗ trợ 600 phần quà cho các gia đình có công với cách mạng, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn của Phường Linh Tây, Tp Thủ Đức và Phường 7 quận 6 nhân ngày Thương binh liệt sĩ.
- ✓ Hỗ trợ 2015 phần quà Tết cho CB.CNV; cán bộ hưu trí của Tổng Công ty Lương thực miền Nam – CTCP và CB.CNV có hoàn cảnh khó khăn của Tp.HCM theo thư ngỏ của Sở Công thương.
- ✓ Hỗ trợ 2.349 phần quà Tết cho các hộ nghèo, gia đình có hoàn cảnh khó khăn của các phường 6, 7, 9, Quận 10; Phường Linh Tây, Tp. Thủ Đức; Xã Long Khê, Huyện Cần Đước, Long An và người lao động của một số đại lý, đối tác Công ty.
- ✓ Hỗ trợ 3.000 kg sản phẩm Safoco ủng hộ Quỹ Vì biển đảo Việt Nam
- ✓ Hỗ trợ chương trình xây dựng nông mới tại xã Thái Mỹ, Huyện Củ Chi với số tiền 15 triệu đồng.

- ✓ Hỗ trợ xây dựng nhà “Nghĩa tình đồng đội” cho các cựu chiến binh có hoàn cảnh khó khăn của Huyện Chợ Lách, Bến Tre với số tiền 100 triệu đồng.
- ✓ Hỗ trợ 440 kg sản phẩm Safoco cho Trung tâm bảo trợ xã hội Bình Đức trực thuộc Sở Lao động và Thương binh xã hội Tp. Hồ Chí Minh.

### **6.7. Báo cáo liên quan đến thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**

Hiện tại, Công ty rất quan tâm theo dõi và đang tìm hiểu các thông tin liên quan đến thị trường vốn xanh. Trong thời gian tới, Công ty tiếp tục đầu tư nâng cấp máy móc thiết bị, cải tiến quy trình sản xuất gắn liền với yếu tố môi trường với mục tiêu tăng trưởng xanh, phát triển bền vững.

## **III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

### **1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

#### **1.1. Khó khăn**

- Trong 6 tháng đầu năm, do lao động khan hiếm, Công ty tuyển dụng gặp khó khăn, để đáp ứng cho nhân sự tại các khâu sản xuất đầy đủ là 150 người (nam 60, nữ 90) nhưng đến hết quý II lao động nữ vẫn thiếu 30 người cho các khâu vắt mì, vì vậy sản lượng chưa ổn định. Đúng vào thời điểm thiếu nhân sự lại còn ảnh hưởng giá các nguyên, nhiên phụ liệu, vận chuyển... biến động tăng từ 15 - 30%, làm tăng chi phí giá thành sản phẩm.

- Qua 6 tháng cuối năm, thời tiết không thuận lợi, mưa, bão, lũ quét, ngập lụt nghiêm trọng nên sản lượng tiêu thụ của đại lý ở khu vực này giảm nhiều.

- Do biến động tỷ giá USD trong nước tăng, trong khi các khách hàng nhập khẩu mặt hàng của Safoco (như: Mỹ, Anh, Hàn Quốc, Nhật, Philippines, Thái Lan...) nhưng tỷ giá trong nước nhập khẩu lại giảm, như vậy khách hàng cân đối giữa giá mua và bán (họ bị lỗ quá lớn) nên khách hàng không có nhu cầu đặt hàng, sản lượng xuất khẩu của Công ty cũng bị ảnh hưởng rất lớn (nhất là mặt hàng Bún tươi).

- Thực hiện theo Nghị định 38/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động, trong đó tăng lương tối thiểu vùng từ 4,42 triệu đồng/người/tháng lên 4,68 triệu đồng/người/tháng từ ngày 01/7/2022, dự kiến tăng chi phí bảo hiểm xã hội gần 600 triệu đồng/năm.

#### **1.2. Thuận lợi**

- Công ty được sự hỗ trợ, chỉ đạo kịp thời của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Công đoàn, Văn phòng và các Ban nghiệp vụ Tổng Công ty Lương thực miền Nam – CTCP. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty Safoco có tầm nhìn, hoạch

định chiến lược đúng hướng, Ban điều hành có bản lĩnh, năng động, nhạy bén, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, cùng với sự ủng hộ của toàn thể người lao động, đoàn kết nội bộ, vượt qua khó khăn, thách thức để thực hiện hoàn thành kế hoạch Đại hội đồng cổ đông đề ra.

- Công ty luôn đặt **"Lợi ích sức khỏe người tiêu dùng lên trên hết"** và không ngừng cải tiến nâng cao chất lượng sản phẩm, máy móc theo quy trình khép kín, phù hợp với tiêu chuẩn hội nhập. Sản phẩm được sản xuất và quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015, hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000:2018 và HACCP, phù hợp với quy định của Bộ Y tế, tiêu chuẩn của khối EU, FDA của nước Mỹ, KFDA của Hàn quốc...

- Trực tiếp khảo sát, tìm kiếm mở rộng khách hàng trong và ngoài nước thông qua việc tham gia các hội chợ thương mại, hội nghị kết nối đầu tư.

- Quản trị tài chính lành mạnh, nguồn vốn được bảo toàn, kịp thời phục vụ các hoạt động sản xuất kinh doanh, không phải vay vốn ngân hàng.

- Công ty đã hoàn thành hồ sơ tăng vốn điều lệ từ 100,558 tỷ đồng lên thành 120,466 tỷ đồng, ngày 07/12/2022 Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và đầu tư Tp.HCM đã cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15, điều chỉnh vốn điều lệ là 120.465.900.000 đồng.

## 2. Tình hình tài chính

### 2.1. Tình hình tài sản

Nhìn chung, tình hình tài chính Safoco trong năm 2022 lành mạnh, an toàn, khả năng thanh toán cao, nguồn vốn được sử dụng hiệu quả hơn.

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Tăng/ Giảm
<b>1- Tài sản ngắn hạn</b>	<b>222.696</b>	<b>242.888</b>	<b>20.192</b>
- Tiền và các khoản tương đương tiền	47.523	61.843	14.320
- Các khoản đầu tư ngắn hạn	104.002	63.502	(40.500)
- Các khoản phải thu ngắn hạn	30.961	46.536	15.575
- Hàng tồn kho	39.839	65.672	25.833
- Tài sản ngắn hạn khác	371	5.335	4.964



Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Tăng/ Giảm
<b>2- Tài sản dài hạn</b>	<b>34.435</b>	<b>32.066</b>	<b>(2.369)</b>
- Các khoản phải thu dài hạn	39	39	-
- Tài sản cố định hữu hình	14.429	12.187	(2.242)
- Tài sản cố định vô hình	19.889	19.814	(75)
- Tài sản dở dang dài hạn	-	-	-
- Tài sản dài hạn khác	78	26	(52)
<b>CỘNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN</b>	<b>257.131</b>	<b>274.954</b>	<b>17.823</b>
<b>1- Nợ phải trả</b>	<b>93.535</b>	<b>98.841</b>	<b>5.306</b>
- Nợ ngắn hạn	93.535	98.841	5.306
- Nợ dài hạn	-	-	-
<b>2- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>163.596</b>	<b>176.113</b>	<b>12.517</b>
<b>CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>257.131</b>	<b>274.954</b>	<b>17.823</b>

## **2.2. Tình hình nợ phải trả: Không có.**

## **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

- ✓ Ngày 01/7/2022 QMS đã cấp chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm của Công ty phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế ISO 22000:2018 và tái cấp chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 và HACCP.
- ✓ Công ty hiện đang áp dụng, kết hợp có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015, hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000: 2018 và HACCP. Chất lượng sản phẩm được kiểm tra nghiêm ngặt, kiểm soát chặt chẽ từ nguyên liệu đầu vào đến thành phẩm cuối cùng, đáp ứng tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm của Bộ y tế và các tiêu chuẩn, quy chuẩn của các nước nhập khẩu, đảm bảo sản phẩm đạt tiêu chuẩn tốt nhất trước khi đưa ra thị trường phân phối đến tay người tiêu dùng.

- ✓ Công tác nghiên cứu, cải tiến chất lượng sản phẩm và xử lý sản phẩm không phù hợp (nếu có) đã mang lại hiệu quả rõ rệt, giúp nâng cao chất lượng sản phẩm và giảm mức độ xử lý sản phẩm không phù hợp.
- ✓ Kiểm soát tốt việc sử dụng điện - nước, nguyên phụ liệu - vật tư - nhiên liệu không để phát sinh vượt định mức; Quản lý an toàn thiết bị, an toàn lao động trong quá trình vận hành.

#### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

- ✓ Công ty tiếp tục đầu tư thêm máy móc thiết bị mới, cải tạo nhà xưởng, nâng cao chất lượng, mẫu mã sản phẩm nhằm tạo sự khác biệt về sản phẩm và đáp ứng nhu cầu của khách hàng một cách tốt nhất.
- ✓ Tăng cường công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm, đảm bảo thực hiện đúng quy định ATVSTP cho tất cả các sản phẩm Safoco, tuân thủ đúng theo yêu cầu của hệ thống quản lý chất lượng ISO và HACCP.
- ✓ Xây dựng các chương trình bán hàng thích hợp, tăng cường tham gia các hội chợ thương mại quốc tế để kiếm thêm khách hàng mới tăng thị phần tiêu thụ trên thị trường nội địa và xuất khẩu.
- ✓ Thực hiện triệt để công tác tiết kiệm, giảm chi phí, giảm giá thành tạo sức cạnh tranh nhằm mang lại hiệu quả cao cho Công ty.
- ✓ Lập kế hoạch tuyển dụng, đào tạo công nhân nhằm tăng năng suất lao động, thực hiện chế độ lương thưởng hợp lý, tạo điều kiện tốt nhất để người lao động phát huy năng lực, sáng kiến cải tiến đóng góp vào sự phát triển bền vững của công ty.

#### **5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty**

##### **5.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường**

Thực hiện tốt những quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đảm bảo nguyên tắc của Công ty là sản xuất hài hòa với môi trường và xã hội, cụ thể:

- ✓ Đầu tư nâng cấp hệ thống xử lý (nước thải, khí thải) đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định trước khi thải ra môi trường, vận dụng nhiều biện pháp để thu gom phân loại và xử lý đối với chất thải rắn (thông thường và nguy hại).
- ✓ Xây dựng ý thức tiết kiệm điện - nước khi sử dụng cho Người lao động bằng phương pháp tuyên truyền, giáo dục, vận động. Song song xây dựng môi trường làm việc thông thoáng, xanh - sạch - đẹp và không khói thuốc.

## 5.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công tác an toàn vệ sinh lao động luôn được Công ty quan tâm bằng những việc làm cụ thể như:

- ✓ Đào tạo về công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động;
- ✓ Khám sức khỏe định kỳ cho người lao động;
- ✓ Trang bị đầy đủ thuốc men, dụng cụ y tế, tổ chức tập huấn sơ cấp cứu;
- ✓ Thực hiện đo kiểm môi trường lao động;
- ✓ Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ cá nhân theo từng tổ, bộ phận, vị trí, chức danh công việc cho người lao động.

## 5.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn cam kết **“Đặt lợi ích sức khỏe của người tiêu dùng lên trên hết”** nên việc đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm luôn được đặt hàng đầu, tuyệt đối tuân thủ theo quy trình như sau:

- ✓ Kiểm soát từ nguồn nguyên phụ liệu đưa vào sản xuất đến bao bì đóng gói. Thực hiện công tác quản lý và kiểm soát chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế (ISO và HACCP).
- ✓ Cung cấp thông tin đầy đủ về thành phần, cách sử dụng và thời gian bảo quản để người tiêu dùng hiểu và dễ chọn lựa.
- ✓ Thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng, thể hiện đạo lý “Uống nước nhớ nguồn” và “Lá lành đùm lá rách”.
- ✓ Hàng năm Công ty, Cổ đông và Người lao động đều tích cực tham gia đóng góp kinh phí cho hoạt động xã hội từ thiện như: xây dựng nhà tình thương, tặng quà cho các gia đình chính sách neo đơn, các hộ nghèo có hoàn cảnh khó khăn...

## IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2022 mặc dù hoạt động sản xuất kinh doanh cũng có những khó khăn, thuận lợi nhất định nhưng với bản lĩnh, năng động, nhạy bén, sự quyết tâm của Ban Tổng Giám đốc cùng tinh thần đoàn kết một lòng toàn thể của người lao động, Safoco đã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu Đại hội đồng cổ đông giao, trong đó lợi nhuận đạt 65,6 tỷ đồng, vượt 4,05% so với kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ phát hành cổ phiếu để tăng

vốn điều lệ từ 100,558 tỷ lên 120,466 tỷ đồng, duy trì sản xuất ổn định, đảm bảo thu nhập người lao động ổn định, tăng trưởng, trả cổ tức cho cổ đông, nộp thuế nhà nước đầy đủ, đúng thời hạn, đây là nỗ lực rất lớn của Safoco.

Công tác đầu tư mang lại hiệu quả cao, được HĐQT thống nhất chủ trương kế hoạch, chuyển đổi nhanh các hạng mục đầu tư mua sắm máy móc, thiết bị phù hợp với tình hình thực tế, gia tăng năng lực sản xuất, phục vụ công tác giao hàng nhanh chóng, kịp thời.

Bộ máy tổ chức ổn định, đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật có trình độ nghiệp vụ chuyên môn vững vàng, công nhân lành nghề, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao.

Tình hình tài chính của Công ty lành mạnh, nguồn vốn được bảo toàn, đảm bảo phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

## **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, việc tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ, quy chế hoạt động của Công ty được thực hiện tốt. Chủ động, nhạy bén, quyết định nhanh, kịp thời ứng phó với những biến động bất thường của thị trường trong nước và thế giới, điều chỉnh chiến lược kinh doanh phù hợp, giảm thiểu những rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty, nỗ lực đưa Công ty vượt qua những khó khăn thách thức.

Trong lĩnh vực tài chính, Ban Tổng Giám đốc đã chủ động rà soát, đánh giá việc sử dụng vốn trong sản xuất kinh doanh nhằm đạt được hiệu quả cao nhất, các định hướng chiến lược của Hội đồng quản trị, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được triển khai thực hiện đúng kế hoạch và cơ bản hoàn thành các mục tiêu đã đề ra.

Chú trọng phát triển chất lượng nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng công việc, xây dựng một môi trường làm việc thân thiện, thoáng mát, an toàn, ưu tiên lợi ích của người lao động và đảm bảo sự phát triển dài hạn của Công ty.

## **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

### **3.1. Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023**

<b>Stt</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Kế hoạch 2023</b>
1	Tổng Doanh thu	Triệu đồng	820.000
2	Sản lượng sản xuất	Tấn	16.000
3	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	15.000
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	66.000

### 3.2. Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị

- Khai thác, vận hành quản lý hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015, hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000: 2018 và HACCP một cách có hiệu quả, kết hợp với việc đầu tư cải tiến kỹ thuật nhằm giảm chi phí sản xuất, đảm bảo nâng cao chất lượng sản phẩm, giữ vững uy tín thương hiệu SAFOCO.
- Nghiên cứu phát triển thêm sản phẩm mới, đa dạng hóa sản phẩm, cải tiến mẫu mã bao bì để đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng.
- Giữ vững khách hàng truyền thống, tiếp tục khai thác mở rộng thị trường tiêu thụ nội địa và xuất khẩu. Tham gia các hội chợ thương mại lớn ở một số nước để tìm thêm các khách hàng mới và quảng bá thương hiệu Safoco ra thị trường nước ngoài để tăng thêm sản lượng bán ra.
- Phát huy hiệu quả hoạt động của Chi nhánh công ty tại Hà Nội nhằm quảng bá thương hiệu và phát triển mạng lưới tiêu thụ.
- Tăng cường khai thác thêm khách hàng, quay nhanh nguồn vốn, gia tăng doanh số, giảm chi phí, nâng cao hiệu quả của hoạt động kinh doanh thương nghiệp.
- Tuyển dụng nhân sự đủ về lượng, đạt về chất phù hợp với sự phát triển của công ty, kết hợp với nghiên cứu, thực hiện các chính sách đãi ngộ để giữ hoặc thu hút lao động giỏi. Lựa chọn nhân sự có năng lực, phẩm chất đạo đức tốt để đưa vào quy hoạch đội ngũ lãnh đạo kế thừa.
- Đào tạo mới, đào tạo chuyên sâu, chuyên nghiệp về chuyên môn, kỹ thuật, quản lý và kỹ năng tay nghề cho người lao động.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị

#### 1.1. Danh sách Thành viên HĐQT và tỷ lệ sở hữu cổ phần tại ngày 31/12/2022:

Stt	Họ tên	Chức vụ	Tổng số cổ phần			Tỷ lệ (%) / VDL
			Sở hữu	Đại diện sở hữu	Tổng cộng	
1	Ông Nguyễn Văn Hiên	Chủ tịch HĐQT	0	2.409.318	2.409.318	20,00

Stt	Họ tên	Chức vụ	Tổng số cổ phần			Tỷ lệ (%) / VDL
			Số hữu	Đại diện sở hữu	Tổng cộng	
2	Bà Phạm Thị Thu Hồng	Thành viên HĐQT	1.697.262	0	1.697.262	14,09
3	Ông Nguyễn Công Minh Khoa	Thành viên HĐQT	42.789	1.361.307	1.404.096	11,66
4	Ông Nguyễn Tri Nghĩa	Thành viên HĐQT	0	1.204.659	1.204.659	10,00
5	Ông Lưu Nguyễn Chí Nhân	Thành viên HĐQT không điều hành	0	0	0	0

**Ghi chú:**

Ông Nguyễn Văn Hiến, Ông Nguyễn Công Minh Khoa, Ông Nguyễn Tri Nghĩa là đại diện sở hữu của Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty Cổ phần.

**1.2. Chức danh TV.HĐQT của Công ty tại các doanh nghiệp khác:**

Ông Lưu Nguyễn Chí Nhân đang là TV.HĐQT tại các doanh nghiệp: Tổng Công ty Rau quả, nông sản – CTCP; Công ty cổ phần in và bao bì Mỹ Châu; Công ty cổ phần Quản lý Quỹ BVIM; Tổng Công ty Lương thực miền Nam – CTCP.

**1.3. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:** Không có.

**1.4. Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị Công ty đã giám sát hoạt động kinh doanh của Công ty theo đúng quy định của Điều lệ công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các văn bản pháp luật hiện hành.

Hội đồng quản trị đã tổ chức 12 cuộc họp (trong đó 04 cuộc họp trực tiếp và 08 cuộc họp bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản) để xem xét, quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT, với sự mở rộng tham gia dự họp của các thành viên Ban kiểm soát. Trong năm, HĐQT thường xuyên giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc, đồng thời lắng nghe đóng góp ý kiến của Ban kiểm soát với Ban Tổng Giám đốc về hoạt động điều hành để thực hiện nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Bên cạnh đó HĐQT đã cũng thực hiện giám sát Ban Tổng Giám đốc thực hiện các công việc sau:

- Giám sát chặt chẽ, chỉ đạo kịp thời và kiên quyết các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.
- Theo dõi tình hình hoạt động kinh doanh thông qua các cuộc họp định kỳ và các báo cáo của Ban Tổng Giám đốc; thường xuyên giám sát thực hiện kế hoạch kinh doanh trong kỳ để có biện pháp chỉ đạo kịp thời.
- Giám sát việc công bố thông tin định kỳ và công bố thông tin bất thường đúng quy định của pháp luật.
- Giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc thông qua việc yêu cầu làm rõ/giải trình các nội dung trước khi quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty.

Hội đồng quản trị đã thảo luận, thông qua các nội dung trình trong cuộc họp bằng các nghị quyết để Tổng Giám đốc và Ban điều hành có cơ sở triển khai thực hiện.

### **1.5. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị không điều hành**

Thành viên HĐQT không điều hành đã tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT, có ý kiến đóng góp cho các vấn đề khi đưa ra thảo luận và biểu quyết thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

### **1.6. Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT: Không có.**

### **1.7. Danh sách thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:**

- Bà Phạm Thị Thu Hồng – Thành viên HĐQT;
- Ông Nguyễn Công Minh Khoa – Thành viên HĐQT.

**1.8. Danh sách các thành viên HĐQT tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có.**

## **2. Ban Kiểm soát**

### **2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát**

Stt	Họ tên	Chức vụ	Tổng số cổ phần			Tỷ lệ (%)
			Số hữu	ĐD sở hữu	Tổng cộng	
1	Ông Nguyễn Trương Nguyễn	Trưởng BKS	0	0	0	0
2	Ông Trần Hoàng Ngân	Thành viên BKS	0	1.204.659	1.204.659	10,00
3	Bà Nguyễn Thị Thu Huyền	Thành viên BKS	0	0	0	0

**Ghi chú:**

♦ Ông Trần Hoàng Ngân là đại diện sở hữu của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty Cổ phần.

**2.2. Hoạt động của Ban Kiểm soát (BKS)**

**a) Tổ chức các cuộc họp:**

Trong năm 2022, Ban kiểm soát đã tổ chức 04 cuộc họp với sự tham gia đầy đủ của các thành viên để đánh giá kết quả công việc đã thực hiện trong quý/năm, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ.

Ngoài ra, Ban Kiểm soát đã được mời tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và Ban Tổng giám đốc; tham gia thảo luận tại các cuộc họp thường kỳ của HĐQT, các cuộc họp, buổi làm việc khác của công ty. BKS đưa ra những phân tích, đánh giá và khuyến nghị trách nhiệm với Công ty.

Ban Tổng Giám đốc cũng tạo điều kiện thuận lợi cho BKS nắm bắt, tìm hiểu thông tin trong hoạt động SXKD và bố trí nhân sự cung cấp các báo cáo, thông tin đầy đủ, rõ ràng để BKS hoàn thành nhiệm vụ của mình.

Các giải pháp đề xuất nâng cao hiệu quả quản lý, phòng ngừa rủi ro BKS đưa ra được Ban điều hành ghi nhận.

HĐQT, BKS và Ban điều hành luôn phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty, Cổ đông và tuân thủ đầy đủ các quy định của Quy chế nội bộ, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật.

**b) Công tác giám sát đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc**

Trong năm, Ban kiểm soát đã thực hiện công việc theo quyền hạn và nhiệm vụ được quy định tại luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty nhằm kiểm tra, giám sát hoạt



động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc thực hiện các định hướng và mục tiêu kinh doanh năm 2022 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

HDQT và Ban Tổng Giám đốc điều hành đã chỉ đạo, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty theo đúng mục tiêu, các chỉ tiêu kinh doanh đạt kết quả tốt, thực hiện công bố thông tin của Công ty đúng quy định, minh bạch, đảm bảo quyền lợi của cổ đông.

Bên cạnh đó, Ban kiểm soát còn phối hợp với Ban điều hành thực hiện tốt các quy định của pháp luật, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị cũng như kiểm soát các công tác kế toán, đảm bảo tính trung thực khi lập Báo cáo tài chính theo đúng quy định hiện hành; đồng thời tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị, nhằm nắm bắt tình hình kinh doanh, rà soát tham gia hoàn thiện các quy chế quy định của Công ty để phục vụ công tác quản trị điều hành.

Ban kiểm soát cũng giám sát việc thực hiện lấy ý kiến biểu quyết của các thành viên HDQT bằng văn bản để thông qua các nội dung theo thẩm quyền. Do đó, việc kiểm soát các hoạt động SXKD, thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá công tác quản lý điều hành đối với HDQT và Ban Tổng giám đốc đạt hiệu quả

### **c) Phương thức giám sát**

Hoạt động giám sát của BKS được thực hiện bằng phương thức: giám sát “trực tiếp – gián tiếp và trước – trong – sau”. Do đặc thù của Safoco nên BKS tập trung việc giám sát trước và giám sát trong nhằm phát hiện kịp thời các rủi ro về tài chính, hạn chế trong quản lý tài chính của doanh nghiệp và có cảnh báo, giải pháp xử lý trực tiếp với trong việc quản lý và điều hành công ty.

### **d) Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HDQT, Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý và cổ đông.**

BKS thường xuyên tham gia các cuộc họp thường xuyên/định kỳ của HDQT, các cuộc họp giao ban hàng tháng của Ban điều hành. Ban kiểm soát cũng được cung cấp thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty phục vụ cho việc kiểm soát của Ban kiểm soát.

BKS đã đưa ra các kiến nghị với HDQT, Ban điều hành về các biện pháp tăng cường hoạt động, giảm thiểu rủi ro, đảm bảo Công ty hoạt động tuân thủ các quy định pháp luật, điều lệ... nhằm giúp công ty hoạt động ổn định và hoàn thành tốt các chỉ tiêu đã đề ra.

Ban kiểm soát đã chủ động trao đổi, thống nhất với HDQT về các nội dung, kế hoạch kiểm tra, giám sát, phối hợp với Ban điều hành trong quá trình triển khai công tác kiểm tra, giám sát.

Ban điều hành đã tạo điều kiện cho BKS thực hiện chức năng kiểm soát trong các lĩnh vực hoạt động của công ty. Các ý kiến của BKS được HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành quan tâm thực hiện đầy đủ.

HĐQT, BKS, Ban điều hành luôn phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty, cổ đông và tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

BKS không nhận được đơn thư yêu cầu hoặc khiếu nại nào của cổ đông trong năm 2022. BKS cũng thường xuyên giám sát việc thực hiện công bố thông tin của Công ty nhằm đảm bảo thông tin đến cổ đông một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời.

### **3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát**

#### **3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích**

##### **a) Hội đồng quản trị**

*Đơn vị tính: VNĐ.*

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao	Lương, thưởng	Ghi chú
1.	Ông Nguyễn Văn Hiền	Chủ tịch HĐQT	90.000.000		Bổ nhiệm ngày 08/4/2022
2.	Bà Phạm Thị Thu Hồng	Thành viên HĐQT	108.000.000		
3.	Ông Nguyễn Công Minh Khoa	Thành viên HĐQT	108.000.000		
4.	Ông Nguyễn Tri Nghĩa	Thành viên HĐQT	81.000.000		Bổ nhiệm ngày 08/4/2022
5.	Ông Lưu Nguyễn Chí Nhân	Thành viên HĐQT không điều hành	108.000.000		
6.	Ông Trần Hoàng Thao	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	Là Chủ tịch HĐQT chuyên trách hưởng lương, không hưởng thù lao.	386.126.517	Miễn nhiệm ngày 08/4/2022
7.	Bà Nguyễn Thị Hoài	Thành viên HĐQT	27.000.000		Miễn nhiệm ngày 08/4/2022

**b) Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng***Đơn vị tính: VNĐ*

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Lương, thưởng	Ghi chú
4.	Bà Phạm Thị Thu Hồng	Tổng giám đốc	2.574.310.770	
5.	Ông Nguyễn Công Minh Khoa	Phó Tổng GD	933.520.708	
6.	Ông Nguyễn Tuấn Bao	Phó Tổng GD	345.780.000	Xin nghỉ việc từ tháng 05/2022
7.	Ông Trần Hoàng Thao	Phó Tổng GD	461.768.868	Ký HĐLĐ từ Tháng 04/2022
8.	Ông Nguyễn Tri Nghĩa	Phó Tổng GD	673.123.792	Bỏ nhiệm từ Tháng 01/2022
9.	Bà Nguyễn Thị Nga	Kế toán trưởng	771.614.093	

**c) Ban kiểm soát***Đơn vị tính: VNĐ*

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao	Lương, thưởng	Ghi chú
1.	Ông Nguyễn Trương Nguyệt	Trưởng BKS	Trưởng BKS chuyên trách hưởng lương, không hưởng thù lao	611.641.106	
2.	Ông Trần Hoàng Ngân	TV.BKS	90.000.000		
3.	Bà Nguyễn Thị Thu Huyền	TV.BKS	90.000.000		

**3.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:** Không.**3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:**

S T T	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH (CMND/ Hộ chiếu/ ĐKKD)			Địa chỉ trụ sở chính	Nội dung	Số lượng	Tổng giá trị (Đvt: Triệu đồng)
			Số	Ngày cấp	Nơi cấp				
1	Công ty Lương thực Bến Tre	Đơn vị trực thuộc TCT LTMN -CTCP (Cổ đông lớn)	03006 13198 -024	29/01 /2019		Số 199D2, KP 4, P.7, TP Bến Tre	Mua gạo	927.000	11.433
2	Công ty Lương thực Tiền Giang	- nt -	03006 13198 -009		Sở KH & ĐT Tiền Giang	256 KP2, P.10, Mỹ Tho, TG	Mua nước suối	1.440	3,83
3	Công ty Lương thực Trà Vinh	Đơn vị trực thuộc TCT LTMN -CTCP (Cổ đông lớn)	03006 13198 -016		Sở KH & ĐT Trà Vinh	Số 102, Trần Phú, P.2, Tp Trà Vinh	Mua hàng hóa	191.892	7.998,81
4	CN - CTCP Lương thực Tp.HC M – Food comart Sài Gòn	- nt -	03005 59014 -002		Sở KH & ĐT Tp.H CM	Số 147B Trần Hung Đạo, P. Cầu Ông Lãnh, Q1, Tp.HCM	Bán hàng hóa	2.578,10	12,89

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH (CMND/ Hộ chiếu/ ĐKKD)			Địa chỉ trụ sở chính	Nội dung	Số lượng	Tổng giá trị (Đvt: Triệu đồng)
			Số	Ngày cấp	Nơi cấp				
5	CN - CTCP Lương thực Tp.HC M – Food comart Đak Nông	- nt -	03005 59014 -006		Sở KH & ĐT Tp.H CM	Tổ dân phố 1, TT Kiến Đức, H.Đắk R'Lấp, Đắk Nông	Bán hàng hóa	1.607,60	80,42

### 3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Việc quản trị Công ty được thực hiện tuân thủ theo các quy định của Luật doanh nghiệp và các quy định hiện hành.

## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 1. Ý kiến kiểm toán



#### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 22-01-00213-23-2



Nelson Rodriguez Casihan  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2225-2023-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thùy  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 3463-2022-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 2 năm 2023

## 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Xem Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 tại website của Công ty:  
[www.safocofood.com](http://www.safocofood.com)

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Lưu: VT.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO  
PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY  
TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Phạm Thị Thu Hồng**